TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/9/2017 Ngày: 19-9-2017 V/v tranh chấp xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

- Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2017, quá trình tố tụng tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày: ngày 06/02/2003 bà và ông Trần Văn U tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, chung sống như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, bà làm nghề mua bán, ông U thất nghiệp, không phụ giúp bà mua bán, chỉ biết ăn chơi, nhậu say xỉn. Bà và ông U sống chung được 3 năm, do hai người bất đồng quan điểm, mặc khác ông U không những không giúp bà lo kinh tế gia đình mà còn nghiện ma túy. Do bà không sống được với ông U nên đã quay về bên cha mẹ

ruột ở và sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông U.

Về con chung: tên Trần Kim L, sinh ngày 18/10/2004, hiện do bà trực tiếp nuôi con, cho con đi học. Khi ly hôn bà yêu cầu quyền nuôi con và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại lời khai ngày 28/8/2017, bị đơn ông Trần Văn U trình bày:**

Về hôn nhân: Sau khi quen biết, được hai bên gia đình đồng ý, năm 2004 ông và bà H tổ chức lễ cưới, chung sống như vợ chồng nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn, do tính tình không hợp, mâu thuẫn phát sinh nên từ năm 2006 ông và bà H sống thân đến ngày nay. Nay bà H xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung tên Trần Kim L, sinh ngày 18/10/2004, hiện do H đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn ông U không tranh chấp việc nuôi, tùy nguyện vọng của con. Nếu con sống với H, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung chứng cứ gì thêm. Bị đơn ông Trần Văn U vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: quan hệ hôn nhân của bà H, ông U được xác lập năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đinh, đề nghi HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông U là vợ chồng.

Về con chung tên Trần Kim L, sinh ngày 18/10/2004, ông U không yêu cầu quyền nuôi con, bà H xin quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, phù hợp theo nguyện vọng của cháu L nên đề nghị HĐXX chấp chập giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn U vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú thì bị đơn ông Trần Văn U có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H và ông Trần Văn U kết hôn và chung sống như vợ chồng từ năm 2004, không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình nên trường hợp này bà H, ông U có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà H và ông U.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông U có một đứa con chung tên Trần Kim L, sinh ngày 18/10/2004. Khi ly hôn bà H yêu cầu quyền nuôi con, ông U thì tùy theo nguyện vọng của con, cháu Kim Lưu có nguyện vọng xin được sống với mẹ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Ông Trần Văn U không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà H, ông U cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Mai Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015640 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Ông Trần Văn U không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoảm1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Mai Thị H và ông Trần Văn U là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Kim L, sinh ngày 18/10/2004 cho bà Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Trần Văn U không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015640 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đối với ông Trần Văn U thì thời hạn kháng cáo là 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được yêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIHÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- THA huyện (1)
- Tòa án tỉnh (2);
- Lưu vp, hs (2)

(Đã ký)

Châu Nam Phú